

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2018
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Hằng

2. Bà Lê Thị Chiên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NTH, sinh năm 1993, có mặt.

Nơi cư trú: thôn D1, xã D2, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh HĐT, sinh năm 1994, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn D1, xã D2, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý, tổng cục VIII, Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị NTH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh HĐT kết hôn ngày 18/9/2013, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D2, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh T tại thôn D1, xã D2. Quá trình chung sống chỉ hòa thuận hạnh phúc được 05 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H phát hiện anh T sử dụng ma túy, chị cùng gia đình đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không từ bỏ được thậm chí còn vi phạm pháp luật. Tháng 9 năm 2014, anh T bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến tháng 9 năm 2017 bị xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, hôn

nhân không có tiếng nói chung. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu HMT, sinh ngày 16/5/2014, hiện cháu T đang ở cùng chị. Do anh T đang phải chấp hành án, không có điều kiện chăm sóc con nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2018, bị đơn anh HĐT trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị NTH kết hôn ngày 18/9/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D2, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh T xác định quá trình chung sống như chị H đã trình bày, anh không có ý kiến gì. Bản thân anh xác định do anh sử dụng ma túy nên gia đình nảy sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại trại giam Ngọc Lý. Chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về quan hệ nuôi con chung: Anh và chị H có một con chung là cháu HMT, sinh ngày 16/5/2014, hiện cháu T đang ở cùng chị H. Ly hôn anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: cho chị H và anh Th được ly hôn; Giao cho chị H nuôi con chung, anh Th không phải đóng góp nuôi con; các vấn đề về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị NTH có đơn xin ly hôn với anh HĐT hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý, tổng cục VIII, Bộ Công an. Trước khi đi chấp hành án, anh T có nơi cư trú tại xã D2, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ,

tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh HDT vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh HDT có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Thịnh.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị NTH và anh HDT là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D2, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng đã hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn. Nhưng sau đó do anh T do sử dụng ma túy và đã có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Mua bán trái phép chất ma túy”. Từ đó vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn, bất hòa, không có tiếng nói chung, không quan tâm yêu thương nhau nữa. Vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ với nhau. Cả chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, và mong muốn ly hôn. Do vậy, cần giải quyết cho ly hôn để giải phóng cho các bên đương sự.

[3]. *Về con chung*: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu HMT, sinh ngày 16/5/2014. Hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù, anh Th và chị H đều có quan điểm về việc để chị H trực tiếp nuôi con. Do vậy, ly hôn cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, và cũng chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Th phải đóng góp nuôi con chung cùng.

[4]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị NTH phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho ly hôn giữa chị NTH và anh HDT

2. *Về con chung*: Giao cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu HMT, sinh ngày 16/5/2014. Anh HDT không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí.* Chị NTH phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số: 0003035 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở trại giam nơi chấp hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã D2;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu

Chị và anh Trương Ngọc Nam kết hôn ngày 26 tháng 8 năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn anh, chị sống cùng bố mẹ đẻ chị tại thôn Núc Hạ, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo được hai năm thì ra ở riêng. Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nam nghiện ma túy nên hay nóng giận, đánh đập chị vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô xát. Có lần bị anh Nam đánh chị đã phải báo cáo chính quyền địa phương can thiệp. Chị và anh Nam sống ly thân nhau từ tháng 4

năm 2014 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nam.

Về con chung: Chị Hoa xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Gia Linh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005 và cháu Trương Bảo Linh, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2012. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Nam phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công nợ, công sức: Chị Hoa xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Ngọc Nam: Tòa án đã làm các thủ tục triệu tập họp lên nhưng anh Nam vắng mặt không có lý do.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị Hoa và anh Trương Ngọc Nam kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do chị Hoa cho rằng anh Nam nghiện ma túy nhưng anh Nam không thừa nhận dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô xát. Mâu thuẫn, xô xát của anh chị đã được chính quyền địa phương can thiệp nhưng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo nhiều lần, mặc dù anh Nam có mặt tại địa phương nhưng cố tình gây khó khăn, không hợp tác và không đến Tòa án làm việc. Chứng tỏ, anh Nam không có thiện chí hàn gắn tình cảm, hôn nhân của chị Hoa và anh Nam đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoa và cho chị Hoa ly hôn anh Nam là phù hợp.

Về con chung: Chị Hoa đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án anh Nam vắng mặt nên Tòa án không làm rõ được quan điểm của anh Nam về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao hai con chung cho chị Hoa trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nam không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công nợ, công sức: Chị Hoa xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh Nam vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoa phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Cho chị Nguyễn Thị Hoa được ly hôn anh Trương Ngọc Nam

Giao cho chị Nguyễn Thị Hoa được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trương Gia Linh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005 và cháu Trương Bảo Linh, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2012. Anh Trương Ngọc Nam không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chị Nguyễn Thị Hoa phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 04349 ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, chị Hoa đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.